

Số: 1212/KH-SGD&ĐT

Bắc Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2013

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến hết năm 2015

Căn cứ Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận 51;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2011-2015) và Kết luận số 30-KL/TU ngày 18/9/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến hết năm 2015;

Căn cứ Công văn số 2489/UBND-TH ngày 24/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện một nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến hết năm 2015 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Củng cố và phát triển quy mô giáo dục hợp lý, đa dạng hóa các loại hình giáo dục đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; đảm bảo sự công bằng và bình đẳng về cơ hội học tập cho mọi người ở những vùng, miền khác nhau; quan tâm phát triển giáo dục ở các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng hạng về giáo dục của tỉnh trong bảng xếp hạng về giáo dục; đến năm 2015, Bắc Giang nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố xếp hạng cao nhất về giáo dục của cả nước.

Tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; củng cố vững chắc và kết quả phổ cập THCS.

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp cho học sinh, sinh viên; đổi mới giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, tin học trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo; tập trung cao huy động và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội; đẩy mạnh phong

trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

- Huy động trên 32% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ và trên 90% trẻ trong độ tuổi ra các nhà, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ trong các trường mầm non đạt dưới 8%.

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1 và 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; huy động 85% học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10 THPT các hệ.

- Củng cố vững chắc kết quả phổ cập mầm non 5 tuổi và phổ cập trung học cơ sở; phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.

- Tỷ lệ phòng học kiên cố ở mầm non đạt 75%, tiểu học đạt 85,9%; Trung học đạt 95%; các trường chuyên nghiệp 100%.

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 75%. Trong đó có 66,3% trường mầm non, 92,8% trường tiểu học, 75,4% trường THCS và 63,3% số trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

- 100% CBQL được bồi dưỡng về lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý nhà nước và quản lý giáo dục. 100% giáo viên, cán bộ quản lý các cấp học đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo. Trình độ đào tạo đối với cán bộ quản lý ở mầm non đạt 98,8%, tiểu học đạt 99,4%, THCS đạt 91,8% và THPT đạt 56,8%. Trình độ trên chuẩn đối với giáo viên mầm đạt 74,9%, tiểu học 83,9,6%, THCS 61,5%, THPT 16,9%.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Giáo dục mầm non

- Triển khai đại trà chương trình giáo dục mầm non mới, thực hiện và hoàn thành chương trình phổ cập mẫu giáo 5 tuổi nhằm chuẩn bị các kỹ năng cần thiết để trẻ vào học lớp 1.

- Tạo chuyển biến về cơ bản chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; giúp trẻ phát triển hài hòa về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1.

2. Giáo dục phổ thông

- Triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh. Tiến hành kiểm tra, đánh giá theo hướng khuyến khích tinh thần tự học và ý thức sáng tạo của học sinh, giảm yêu cầu học sinh phải học thuộc máy móc.

- Tăng cường việc phụ đạo, giúp đỡ nhằm giảm tỷ lệ học sinh yếu kém; đẩy mạnh tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày ở tiểu học và THCS, mở rộng sang THPT. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2012” theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh sinh năng khiếu, học sinh tài năng trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện.

3. Giáo dục dân tộc

- Thành lập các trường Phổ thông dân tộc bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Củng cố và nâng cao chất lượng nuôi dạy ở các trường dân tộc nội trú; triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách đối với giáo viên và học sinh vùng dân tộc, vùng khó khăn.

- Tăng cường dạy tiếng dân tộc cho học sinh, giáo viên ở các trường dân tộc nội trú và vùng đồng bào dân tộc, làm cơ sở để giữ gìn và bảo tồn văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời đáp ứng việc tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số cho các địa phương trong tỉnh.

4. Giáo dục thường xuyên

- Thực hiện tốt nhiệm vụ dạy bổ túc văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề góp phần củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập THCS; củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

- Củng cố, duy trì kết quả xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, giáo dục thường xuyên cấp THCS và THPT các Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ theo các ngành nghề.

- Mở rộng phạm vi, đối tượng, nâng cao chất lượng các hình thức học tập: vừa làm vừa học, học từ xa, tự học có hướng dẫn theo hệ thống giáo dục quốc dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học ở mọi lứa tuổi có điều kiện học tập nâng cao trình độ.

5. Giáo dục chuyên nghiệp

- Tiếp tục rà soát và đổi mới chương trình đào tạo và đánh giá kết quả của học sinh gắn với chuẩn nghề nghiệp. Xây dựng cơ chế phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng các chuẩn năng lực nghề nghiệp khi tốt nghiệp, xây dựng chương trình khung, đánh giá chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình và chia sẻ nguồn lực, mở thêm các mã ngành đào tạo, gắn kết với các doanh nghiệp trong đào tạo thực hành và cung cấp nhân lực... Các cơ sở đào tạo thực hiện 3 công khai, công bố chuẩn năng lực nghề nghiệp khi tốt nghiệp

- Tạo bước chuyển biến mạnh về chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp trong một số lĩnh vực ưu tiên như công nghệ thông tin, tài chính - ngân hàng, du lịch, cơ khí, điện tử, y tế; đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị sử dụng nhân lực đào tạo TCCN và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo

- Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của giáo dục đào tạo. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp vai trò của ngành để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện thống nhất đầu mối quản lý và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục. Thực hiện đồng bộ phân

cấp quản lý, hoàn thiện và triển khai cơ chế phối hợp giữa các ngành và địa phương trong quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước tỉnh Bắc Giang

- Bảo đảm dân chủ hóa trong giáo dục. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá người dạy, giáo viên; giáo viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cán bộ quản lý cấp dưới đánh giá cán bộ quản lý cấp trên; cơ sở giáo dục tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục. Rà soát, sắp xếp, tuyển chọn đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục từ trường đến Sở GD&ĐT, xây dựng lực lượng cán bộ quản lý tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành.

- Phân loại chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, các cơ sở giáo dục chưa đạt chuẩn phải có lộ trình để tiến tới đạt chuẩn; chú trọng xây dựng các cơ sở giáo dục tiên tiến, trọng điểm chất lượng cao để đào tạo bồi dưỡng các tài năng.

- Tập trung quản lý chất lượng giáo dục; chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, khoa học công nghệ và khoa học quản lý. Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; công khai về chất lượng giáo dục, các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính của các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng giáo dục, thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục các cấp học, trình độ đào tạo và kiểm định các chương trình giáo dục nghề nghiệp, đại học. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng và giám sát các hoạt động giáo dục. Xây dựng hệ thống tổ chức kiểm định độc lập chất lượng giáo dục. Triển khai kiểm định xếp hạng các cơ sở giáo dục, công bố công khai kết quả kiểm định trên các phương tiện truyền thông.

- Triển khai Đề án đổi mới cơ chế tài chính cho giáo dục, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục; quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào quản lý giáo dục. Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng CNTT và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý giáo dục, ứng dụng trong công tác quản lý hành chính, điều hành; tăng cường tổ chức hội nghị, giao ban, họp trực tuyến qua môi trường mạng.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác pháp chế. Triển khai Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường (theo Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Mở rộng quy mô giáo dục hợp lý, thực hiện phổ cập giáo dục

- Tiếp tục phát triển quy mô, mạng lưới trường, lớp học hợp lý, vừa đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo vừa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và nguồn nhân lực của địa phương.

- Thành lập các trường phổ thông dân tộc bán trú tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Trường đại học Bắc Giang (phát triển từ trường Cao đẳng Ngô Gia tự). Chuyển đổi các trường THPT bán công, dân lập sang loại hình trường tư thục. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục thụ thụ các cấp học.

- Củng cố và mở rộng quy mô các trung tâm GDTX-DN, trung tâm KTTH-HN, các trường TCCN, các trường cao đẳng nhằm bảo đảm công tác phân luồng sau THCS và THPT.

- Tích cực triển khai Kế hoạch phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2013. Củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục đúng độ tuổi; phấn đấu đến năm 2015 hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. Củng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập THCS trên địa bàn toàn tỉnh. Củng cố hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng để thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục đạo đức, giáo dục chính trị cho học sinh, sinh viên

- Tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; thực hiện việc điều chỉnh, giảm hợp lý nội dung chương trình học cho phù hợp với tâm, sinh lý của học sinh theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai mạnh mẽ việc dạy tin học, ngoại ngữ trong nhà trường. Thực hiện có chất lượng chương trình giáo dục thể chất, phối hợp với các ngành đoàn thể có liên quan chăm lo công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS và THPT.

- Gắn kết việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" với cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo", cuộc vận động "Hai không" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" của ngành nhằm tạo lập môi trường sư phạm lành mạnh, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

- Thực hiện tốt kế hoạch phối hợp liên ngành văn hóa, thể thao và du lịch, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội khuyến học..., nhằm tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", huy động sự tham gia của toàn xã hội trong việc giáo dục học sinh.

- Tập trung cao các giải pháp giáo dục đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên dưới nhiều hình thức như: Lồng ghép vào nội dung một số môn học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc thi hay sân chơi trí tuệ... Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, phát huy vai trò giáo dục của gia đình; ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

- Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, tăng cường giáo dục pháp luật, quốc phòng - an ninh, giáo dục an toàn giao thông; trang bị năng lực nghề nghiệp, làm cho thế hệ trẻ có đủ khả năng, bản lĩnh thích ứng với những biến đổi của xã hội.

4. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về đề thu hút những người giỏi làm công tác tại các cơ quan quản lý giáo dục; ưu tiên tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp thạc sỹ, tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi về công tác tại tỉnh. Xây dựng chính sách độ đãi ngộ xứng đáng đối với CBQL và giáo viên giỏi, khuyến khích nhà giáo đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần tạo động lực cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tiếp tục tuyển dụng biên chế giáo viên mầm non ngoài công lập để đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo đảm bảo đủ để thực hiện giáo dục toàn diện, dạy học các môn học, dạy học 2 buổi/ngày ở mầm non và phổ thông, giáo viên tư vấn học đường và hướng nghiệp, giáo viên giáo dục thường xuyên. Tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung, yêu cầu và lộ trình quy định tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển nhân lực ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012 -2015 và định hướng đến năm 2020.

- Tăng cường các khóa bồi dưỡng thông qua các chương trình hợp tác với các trường đại học, các dự án quốc tế để nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, đáp ứng được nhiệm vụ nhà giáo trong giai đoạn mới. Thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, nhất là bồi dưỡng về phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo để làm gương cho học sinh, sinh viên; triển khai thực hiện Quy định về đạo đức nhà giáo, kiên quyết chấn chỉnh các vi phạm đạo đức nhà giáo. Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; đánh giá người đứng đầu các cơ sở giáo dục qua ý kiến giáo viên, đánh giá giáo viên thông qua nhiều hình thức, trong đó có ý kiến nhận xét của học sinh, sinh viên. Tiếp tục rà soát, sàng lọc đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, trên cơ sở đó thực hiện việc bố trí, sử dụng; đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ một cách hiệu quả nhất.

- Tham mưu xây dựng chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối, thiếu đồng bộ của đội ngũ giáo viên giữa các vùng miền.. ; chính sách đãi ngộ đối với giáo viên giáo dục đặc biệt và giáo dục học sinh khuyết tật.

5. Xây dựng CSVC trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tập trung cao huy động các nguồn lực thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị (về lĩnh vực giáo dục và đào tạo) theo Nghị quyết số 43 -NQ/TU ngày 22/02/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 20/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012-2015. Xây dựng chuẩn hóa phòng học, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, sân chơi bãi tập, bảng, bàn ghế, thiết bị dạy học ở các cấp học,

ngành học. Đầu tư xây dựng hệ thống phòng công nghệ thông tin, phòng học ngoại ngữ trong các trường phổ thông đảm bảo đủ cho học sinh thực hành.

- Ưu tiên dành quỹ đất và vị trí cho xây dựng, mở rộng và phát triển các cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2020 theo Quy hoạch đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Bố trí đủ diện tích đất theo chuẩn quốc gia của từng cấp học; tập trung giải quyết các tranh chấp về đất trường học và đề nghị cấp Giấy quyền sử dụng đất cho 100% các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình kiên cố hóa trường học và xây nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2013-2015 khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các xã thuộc kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện điện tử kết nối giữa các trường trong tỉnh và toàn quốc, tiến tới kết nối quốc tế. Tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện trường học.

- Cải tạo, nâng cấp và hiện đại hóa Trường THPT chuyên Bắc Giang, Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn, các trường chuyên nghiệp để các trường này trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao trong tỉnh và khu vực.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá và hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức “Giáo dục là quốc sách hàng đầu” của các cấp, các ngành và của toàn dân. Ưu tiên đầu tư phát triển cho các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc. Xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao ở các cấp học, bậc học.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức xã hội từ thiện, tập trung mở rộng hợp tác song phương, đa dạng hóa các hình thức liên kết đào tạo trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhất là du học tại chỗ, du học nước ngoài để đào tạo nguồn nhân lực. Huy động đóng góp của cá nhân, các tổ chức quốc tế cho giáo dục. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế nước ngoài tham gia xây dựng trường học trên địa bàn.

- Phát huy vai trò, tác dụng tích cực của Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội đồng Giáo dục, Hội khuyến học các cấp; xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng xã hội trong việc tham gia làm chuyên viên chất lượng, phát triển giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng mối quan hệ trong đào tạo giữa các trường phổ thông, trường TCCN với doanh nghiệp và các trường cao đẳng, đại học khác trên địa bàn, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực của tỉnh trong từng giai đoạn.

7. Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng

Cụ thể hóa và định lượng các tiêu chí thi đua, danh hiệu thi đua của từng cấp học, bậc học, lĩnh vực công tác; việc bình xét thi đua, khen thưởng đảm bảo công bằng, chính xác, đánh giá đúng hiệu quả của tập thể và cá nhân, coi trọng chất lượng, trách nhiệm thành tích.

Phấn đấu, kết quả thi học sinh giỏi quốc gia, điểm trung bình của học sinh thi vào các trường cao đẳng, đại học (tính theo số học sinh thực tế dự thi) hàng năm xếp trong top 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả cả nước; Sở Giáo dục và Đào tạo

luôn hoàn thành các lĩnh vực công tác và được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

IV. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và xây nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2013-2015 để các địa phương triển khai thực hiện.

- Theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 35 ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ Hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thì biên chế đối với giáo viên các trường tiểu học dạy 1 buổi trong ngày được bố trí biên chế không quá 1,20 giáo viên trong 1 lớp; đối với trường tiểu học dạy 2 buổi trong ngày được bố trí biên chế không quá 1,50 giáo viên trong 1 lớp. Trong khi đó, theo quy định tại Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT ngày 04/12/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định kiểm tra, công nhận Phổ cập giáo dục tiểu học và Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi thì đối với đơn vị cơ sở để đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 phải có đủ viên chuyên trách dạy các môn: Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục, Tin học, Ngoại ngữ.

Để đảm bảo đạt chuẩn quốc gia về Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 (đối với đơn vị cơ sở), đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV theo hướng: biên chế giáo viên đối với các trường tiểu học dạy 2 buổi/ngày đạt tỷ lệ 1,8 giáo viên/lớp; nếu biên chế 1,5 giáo viên/lớp, thì số giáo viên Thể dục, Tin học, Ngoại ngữ được tính ngoài định biên này.

2. Đối với HĐND-UBND tỉnh

- Bố trí kinh phí để thực hiện đạt các mục tiêu, nhiệm vụ được xác định tại Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang theo đúng kế hoạch; trước mắt, đề nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Giáp Hải, thành phố Bắc Giang; bố trí kinh phí để thực hiện đạt kết quả cao các Chương trình, Kế hoạch giai đoạn 2011-2015 (*Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh; Kế hoạch dạy và học tiếng Anh 10 năm trong các cơ sở giáo dục; Kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia...*) do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND đã ban hành.

- Năm 2014, bố trí đủ giáo viên Thể dục, Tin học, Ngoại ngữ theo quy định để thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.

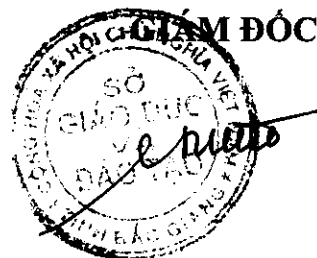
Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang trân trọng báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận: 

- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- Sở KH&ĐT (báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT



Nguyễn Đức Hiền